

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Ý YÊN
TỈNH NAM ĐỊNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 7 - 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Đình Phúc
2. Bà Trịnh Thị Hồng Thắm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Ngày 26/7/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 79/2019/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/6/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Út T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn Bình Hạ, xã YT, huyện Y, tỉnh Nam Định

Bị đơn: Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn Bình Hạ, xã YT, huyện Y, tỉnh Nam Định

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị T và anh H (chị T, anh H xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Hoàng Thị Út T trình bày: Chị kết hôn với anh Hoàng Văn H vào ngày 02/02/2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã YT, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị phát hiện ra anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị đã nhiều lần khuyên anh vì con để vợ chồng quay lại nhưng anh H vẫn không thay đổi dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung, nhiều lần xảy ra va chạm, cãi vã. Anh chị chính thức sống ly thân từ tháng 10/2015 đến nay chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Chị xác định tình cảm

vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn H.

Về con chung: Chị và anh H có hai con chung là Hoàng Việt Anh, sinh ngày 16/02/2013 và Hoàng Tuấn A, sinh ngày 16/01/2015. Sau ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Tuấn A, chị đồng ý để cháu Hoàng Việt A cho anh H nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bản tự khai đề ngày 03/6/2019, bị đơn anh Hoàng Văn H trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn phù hợp với lời khai của chị T. Anh xác định sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến cuối năm 2018 khi chị T xin đi làm may ở thành phố Yên Bái, khoảng giữa tháng 4/2018 anh có đến thăm và phát hiện ra chị T có quan hệ bồ bịch với người tên Trung quê ở Nghệ An, tuy nhiên chị T không thừa nhận việc này, quá trình từ đó đến nay giữa anh và chị T, cũng như gia đình nhà chị T có xảy ra va chạm, bức xúc. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị T mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn với chị T, nếu chị T cương quyết xin ly hôn thì anh cũng không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị T có hai con chung là Hoàng Việt A, sinh ngày 16/02/2013 và Hoàng Tuấn A, sinh ngày 16/01/2015. Sau ly hôn anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, anh yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh H có nguyện vọng tự thỏa thuận với chị T nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng giữa chị T và anh H không thống nhất được vấn đề về tình cảm, về nuôi và cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Chị T và anh H đều có đề nghị xin giải quyết vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của chị T, anh H đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đúng sự theo quy định tại Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” do nguyên đơn chị Hoàng Thị Út T thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn anh Hoàng Văn H có nơi cư trú tại thôn Bình Hạ, xã YT, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định nên căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị T, anh H đều có đề nghị xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Út T và anh Hoàng Văn H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 02/02/2013 tại Ủy ban nhân dân xã YT, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng anh chị không có sự tin tưởng nhau, anh chị đều cho rằng bên kia có quan hệ tình cảm với người khác dẫn đến cuộc sống hạnh phúc bị ảnh hưởng. Hai bên đã xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, đã có lúc xảy ra va chạm, cãi vã và chị T đã chủ động sống ly thân từ tháng 5/2015 cho đến nay. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên kiên quyết xin ly hôn với anh H. Về phía anh H, anh cũng xác định cuộc sống vợ chồng cũng có lúc to tiếng, cáu gắt với nhau tuy nhiên không đến mức nghiêm trọng, anh vẫn còn tình cảm đối với chị T và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, chung sống với nhau nên không đồng ý ly hôn với chị T. Xét thấy trên thực tế chị T, anh H đã sống ly thân nhau, hôn nhân giữa anh chị đã chấm dứt từ tháng 5/2015 đến nay. Chị T thì kiên quyết xin ly hôn nên trong quá trình giải quyết Tòa án không thể hoà giải, gắn kết hạnh phúc cho anh chị được. Anh H mặc dù muốn đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để để níu kéo cũng như hàn gắn tình cảm. Xét thấy hai người đã sống ly thân một thời gian dài, đời sống chung không có, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đơn của chị T, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị Hoàng Thị Út T và anh Hoàng Văn H thống nhất xác định anh, chị có hai con chung là Hoàng Việt A, sinh ngày 16/02/2013 và Hoàng Tuấn

A, sinh ngày 16/01/2015. Khi ly hôn chị T xin được nuôi dưỡng cháu Hoàng Tuấn A, chị đồng ý để cháu Hoàng Việt Acho anh H nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Mặc dù anh H xác nhận chị T có nghề nghiệp và có thu nhập ổn định đủ nuôi dưỡng 01 cháu nhưng bản thân anh không muốn các cháu phải xa nhau khi bố mẹ ly hôn, nên anh xin được nuôi cả hai con chung, anh yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên xét tình hình thực tế, hiện nay chị T và anh H đều thừa nhận cả hai đều có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Chị T đang làm việc tại Công ty TNHH thương mại và dịch vụ NTH Minh Thắng, với công việc là công nhân may, theo giấy xác nhận thu nhập của đơn vị chị T gửi cho tòa án thì mức lương thực nhận trong 4/2019 là 6 triệu đồng. Anh H đang làm xây dựng cùng bố mẹ, có thu nhập khoảng 4- 5 triệu đồng/tháng.

Như vậy, anh chị đều có nghề nghiệp và có thu nhập ổn định, anh H có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Hoàng Tuấn A vì cháu còn quá nhỏ. Để đảm bảo cuộc sống cho cả hai con, cũng là giảm bớt gánh nặng cho anh, chị. Hội đồng xét xử xét thấy nên giao mỗi người nuôi 01 con chung. Cháu Hoàng Tuấn A còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ hơn, hơn nữa công việc của chị T có mức lương ổn định, đảm bảo cho chị đủ nuôi dưỡng một con nhỏ. Vì vậy nên giao cháu Hoàng Tuấn A cho chị T nuôi dưỡng, để cháu Hoàng Việt Acho anh H nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị T, anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Hoàng Thị Út T và anh Hoàng Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Việt A, sinh ngày 16/02/2013 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là cháu Hoàng Tuấn A, sinh ngày 16/01/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Hoàng Thị Út T phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ với số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001103, ngày 23/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Hoàng Thị Út T và anh Hoàng Văn H được quyền kháng cáo trong hạn 15, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh+Huyện: 02 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Các đương sự: 01 bản;
- UBND xã YT: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Văn Anh